

Số: /GPMT-TNMT

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Thọ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 08/CV ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Lạc Hồng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Lạc Hồng, địa chỉ tại Số nhà 2871, đường Hùng Vương, tổ 15B, khu 6, phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bệnh viện Lão khoa Lạc Hồng” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Bệnh viện Lão khoa Lạc Hồng.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 3181808615 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ chứng nhận lần đầu 25 tháng 09 năm 2017. Được UBND tỉnh đồng ý gia hạn tiến độ đầu tư tại các văn bản số 4433/UBND-KGVX ngày 30/9/2019; Văn bản số 2738/UBND-KTN ngày 02/7/2021; Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 03/4/2023.

1.4. Mã số thuế: 2600975347.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già; Khám chữa bệnh lão khoa; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích đất thực hiện dự án 44.045,1 m², trong đó bao gồm các công trình: Nhà khám bệnh và điều hành; Nhà lão khoa học; Nhà thuốc bệnh viện; Nhà khám dịch vụ, tư vấn sức khỏe; Nhà điều trị nội trú; Nhà khoa dinh dưỡng; Nhà khoa truyền nhiễm và các công trình phụ trợ (khu đặt máy phát điện, khu xử lý nước thải, khu lưu giữ chất thải rắn, sân, đường giao thông nội bộ, cây xanh..) tại phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về Đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thuộc dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: 150 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Lạc Hồng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Lạc Hồng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- GD, PGD Sở (Ô Thọ);
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- UBND thành phố Việt Trì;
- Chi cục BVMT;
- Trung tâm Kỹ thuật, CNTN và MT (dăng tải);
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Lạc Hồng;
- Lưu: VT (Long-10b).

Phạm Văn Quang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-TNMT
ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các xí tiêu tại nhà vệ sinh (Nhà khám bệnh và điều hành; Nhà lão khoa học; Nhà khám dịch vụ và tư vấn sức khỏe; Nhà điều trị nội trú; Nhà khoa truyền nhiễm; Nhà khoa dinh dưỡng).

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, tắm rửa, lau sàn (Nhà khám bệnh và điều hành; Nhà lão khoa học; Nhà khám dịch vụ và tư vấn sức khỏe; Nhà điều trị nội trú; Nhà khoa truyền nhiễm; Nhà khoa dinh dưỡng).

- Nguồn số 03: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khử khuẩn labo xét nghiệm, dụng cụ xét nghiệm, dụng cụ chứa bệnh phẩm, phòng phẫu thuật, khu khám bệnh và phòng cấp cứu (Nhà khám bệnh và điều hành; Nhà lão khoa học; Nhà khám dịch vụ và tư vấn sức khỏe; Nhà điều trị nội trú; Nhà khoa truyền nhiễm).

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động giặt là (Khu giặt là).

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn (Nhà khám bệnh và điều hành).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Cống thoát nước thải chung khu vực trên đường Nguyễn Tất Thành, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Điểm đầu nối nước thải với cống thoát nước thải chung của khu vực D2000 trên đường Nguyễn Tất Thành phía Đông Bắc của dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2361825; Y= 561903 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24h.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng

yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, hệ số K =1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép ($C_{\max}$)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Khuyến khích quan trắc tần suất 06 tháng/lần theo nội dung đề xuất của Chủ dự án.
2	pH	-	6,5 - 8,5	
3	BOD ₅	mg/l	36	
4	COD	mg/l	60	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36	
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	3000	
12	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

(Ghi chú: Đối với các thông số: pH, Tổng Coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholerae trong nước thải y tế, sử dụng hệ số K = 1)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ các xí tiêu tại nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 09 bể tự hoại (tổng thể tích 195 m³), nước thải từ hoạt động nấu ăn được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách mỡ (thể tích 10 m³) sau đó cùng với nước thải phát sinh từ hoạt động tắm giặt, rửa tay chân, lau sàn, nước thải y tế và nước thải giặt là được thu gom vào đường ống nhựa HDPE D200, tổng

chiều dài 734m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm.

Nước thải sau xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm đạt theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, hệ số K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thoát vào cống thoát nước thải chung khu vực trên đường Nguyễn Tất Thành, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- *Các công trình xử lý nước thải:*

+ 09 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 195 m³).

+ 01 bể tách mỡ 3 ngăn (thể tích 10 m³).

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm, gồm các bể xử lý có thể tích lần lượt: Bể gom (10,6 m³); Bể điều hòa (50m³); Bể thiếu khí (35 m³); Bể hiếu khí (53 m³); Bể lắng (32 m³); Bể khử trùng (15,6 m³); Bể chứa bùn (50 m³).

- *Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:*

Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Cống thoát nước thải chung khu vực trên đường Nguyễn Tất Thành, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Hệ thống có 01 bể chứa bùn).

- *Hóa chất sử dụng:* Chế phẩm sinh học bùn cầu, TCCA – Clo khô, Metanol.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện vận hành, lấy mẫu phân tích và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, bắt đầu từ ngày 14/5/2025, kết thúc ngày 14/8/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa.

- Mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông báo nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-TNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực Nhà đặt máy phát điện.
- Nguồn số 2: Khu vực Nhà trạm bơm, khí y tế.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung không tập trung được phát tán ra xung quanh.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung:

Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép dB	
		Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thiết kế vật liệu cách âm bao quanh phòng và cửa phòng đặt máy phát điện dự phòng; Sử dụng đệm lót cao su để lót máy nhằm giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-TNMT
ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	27.120
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	70
3	Các thiết bị vỡ hỏng đã qua sử dụng, có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	13 03 02	70
4	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	36
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	24
Tổng			27.320

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	120
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	150
Tổng			270

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải là vật liệu nhựa (vỏ chai nước giải khát, chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn) phát sinh khoảng 3600 kg/năm.
- Chất thải là vật liệu giấy (giấy báo, thùng carton, vỏ hộp giấy,...) phát sinh khoảng

1680 kg/năm.

- Chất thải vật liệu kim loại (vỏ chai, lọ, lọ thuốc không chứa thành phần nguy hại thải bỏ) phát sinh khoảng 180 kg/năm.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 5.760 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 122,4 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 09 thùng chứa màu vàng và màu đen, dung tích 120 lít/thùng. Riêng chất thải giải phẫu (Các mẫu bệnh phẩm, cơ quan con người thải bỏ) sẽ được lưu chứa trong 01 tủ đông 800L.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 76,4 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa màu trắng được dán nhãn đầy đủ, dung tích thùng chứa 15 lít, 30 lít, 60 lít, 120 lít, 240 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 60 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có mái che kín, nền cứng hóa bằng bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa màu xanh được dán nhãn đầy đủ, dung tích thùng chứa 15 lít, 30 lít, 60 lít, 120 lít, 240 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 60 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có mái che kín, nền cứng hóa bằng bê tông.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định tại các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Thông tư số 20/2021/TT- BYT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ Môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.